

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN NGHỆ AN

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2019**

CÔNG TY
CỔ PHẦN
KHOÁNG
SẢN
NGHỆ AN

Digitally signed by CÔNG
TY CỔ PHẦN KHOÁNG
SẢN NGHỆ AN
DN: C=VN, S=NGHỆ AN,
L=Tp.Vinh, CN=CÔNG TY
CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN
NGHỆ AN,
OID.0.9.2342.19200300.10
0.1.1=MST:2900324579
Reason: I am the author of
this document
Location: your signing
location here
Date: 2020-04-02 17:38:25
Foxit Reader Version: 9.5.0

MỤC LỤC

NỘI DUNG

TRANG

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2 - 3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 15

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Khoáng sản Nghệ An (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Khoáng sản Nghệ An được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu số 2900324579 ngày 25/04/2005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Nghệ An cấp, và Giấy chứng nhận thay đổi lần thứ 13 ngày 28/02/2020.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 13, vốn điều lệ của Công ty là 42.816.000.000 đồng.

Trụ sở chính Công ty: Khu C, KCN Nam Cẩm, Xã Nghi Xá, Huyện Nghi Lộc, Tỉnh Nghệ An

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Lê Quang Trung

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Thăng Long - T.D.K - Chi nhánh Miền Bắc là Công ty kiểm toán có đủ năng lực được lựa chọn. Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Thăng Long - T.D.K - Chi nhánh Miền Bắc bày tỏ nguyện vọng được tiếp tục kiểm toán báo cáo tài chính cho Công ty trong những năm tiếp theo.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty khẳng định những vấn đề sau đây:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục. Công ty tiếp tục hoạt động và thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của mình trong năm tài chính tiếp theo;
- Các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác;
- Kể từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày lập Báo cáo tài chính, chúng tôi khẳng định rằng không phát sinh bất kỳ một sự kiện nào có thể ảnh hưởng đáng kể đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính và ảnh hưởng tới hoạt động của Công ty cho năm tài chính tiếp theo.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Lê Quang Trung
Chủ tịch Hội đồng quản trị
Ngày 31 tháng 03 năm 2020



SỐ: 3103/2020/BCKT – TC/KSNA

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2020

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Công ty Cổ phần Khoáng sản Nghệ An

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Khoáng sản Nghệ An

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Khoáng sản Nghệ An (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 31/03/2020, từ trang 04 đến trang 15, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Do được bổ nhiệm kiểm toán sau ngày 31/12/2019 nên chúng tôi không tham gia chứng kiến kiểm kê tiền mặt, hàng tồn kho và tài sản cố định của Công ty tại ngày 31/12/2019. Theo đó, chúng tôi không đánh giá được ảnh hưởng của vấn đề này đến báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty.

Tại ngày 31/12/2019, Công ty đã thực hiện đối chiếu số dư các khoản công nợ phải thu, phải trả tuy nhiên giá trị đối chiếu chưa được thực hiện đầy đủ.

Báo cáo kết quả kinh doanh năm 2019 của Công ty Cổ phần Muối và Thương mại Nghệ An là công ty con đều lỗ. Công ty chưa thực hiện trích lập dự phòng khoản đầu tư vào Công ty con năm 2019.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Khoáng sản Nghệ An tại ngày 31/12/2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Vũ Kim Hồng

Giám đốc

Giấy CNĐKHN kiểm toán số 3703-2016-045-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ

THĂNG LONG - T.D.K - CN MIỀN BẮC

Nguyễn Thị Thu Huyền

Kiểm toán viên

Giấy CNĐKHN kiểm toán số 3708-2018-045-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

MẪU SỐ B 01-DN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019	01/01/2019
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		121.263.224.961	124.911.899.536
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	1.569.540.608	2.475.083.532
1. Tiền	111		1.569.540.608	2.475.083.532
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5	400.000.000	400.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		400.000.000	400.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		108.428.028.091	109.575.395.710
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	89.949.660.996	94.188.851.426
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	9.071.936.579	8.331.267.003
3. Phải thu ngắn hạn khác	136		7.528.379.833	7.055.277.281
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	-
5. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		1.878.050.683	-
IV. Hàng tồn kho	140		8.913.486.676	9.583.837.305
1. Hàng tồn kho	141	8	8.913.486.676	9.583.837.305
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.952.169.586	2.877.582.989
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		172.307.561	381.672.726
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		817.039.017	1.530.379.755
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		12.067.449	14.774.949
4. Tài sản ngắn hạn khác	155		950.755.559	950.755.559
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		168.241.674.182	173.156.171.103
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		79.142.120.410	85.133.756.515
1. Tài sản cố định hữu hình	221	9	70.411.905.881	76.187.527.957
- Nguyên giá	222		121.978.475.713	122.854.971.167
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(51.566.569.832)	(46.667.443.210)
2. Tài sản cố định vô hình	227		8.730.214.529	8.946.228.558
- Nguyên giá	228		9.877.060.471	9.877.060.471
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.146.845.942)	(930.831.913)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		47.592.846.793	46.210.127.999
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		47.592.846.793	46.210.127.999
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250		40.353.419.058	40.353.419.058
1. Đầu tư vào công ty con	251		40.353.419.058	40.353.419.058
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		1.153.287.921	1.458.867.531
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		207.093.235	512.672.845
4. Tài sản dài hạn khác	268		946.194.686	946.194.686
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		289.504.899.143	298.068.070.639
(270 = 100 + 200)				

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mẫu số B 01-DN
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019	01/01/2019
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		261.896.721.657	268.759.035.443
I. Nợ ngắn hạn	310		252.620.971.657	256.637.430.754
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	10	50.841.844.037	51.312.987.620
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	11	55.614.023.842	55.150.070.247
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	13	732.749.524	319.858.528
4. Phải trả người lao động	314		752.422.799	758.477.851
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		2.334.210.034	2.327.832.284
7. Phải trả ngắn hạn khác	319		8.240.473.210	14.325.199.254
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	12	134.101.225.521	132.403.782.280
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		4.022.690	39.222.690
II. Nợ dài hạn	330		9.275.750.000	12.121.604.689
1. Phải trả dài hạn khác	337		115.000.000	133.000.000
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		9.160.750.000	11.988.604.689
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		27.608.177.486	29.309.035.196
I. Vốn chủ sở hữu	410	14	27.608.177.486	29.309.035.196
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		42.816.000.000	42.816.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		42.816.000.000	42.816.000.000
5. Cổ phiếu quỹ	415		(2.364.504.000)	(2.364.504.000)
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		9.010.943.667	9.010.943.667
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		1.706.825.080	1.706.825.080
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		160.601.619	160.601.619
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(23.721.688.880)	(22.020.831.170)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(23.726.613.339)	(18.422.978.412)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		4.924.459	(3.597.852.758)
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		289.504.899.143	298.068.070.639
(440 = 300 + 400)				

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Lê Quang Trung
Chủ tịch Hội đồng quản trị

Ngày 31 tháng 03 năm 2020

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mẫu số B 02-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2019	Năm 2018
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	15	47.837.298.084	118.800.559.579
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		96.975.448	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		47.740.322.636	118.800.559.579
4. Giá vốn hàng bán	11	16	42.647.311.859	113.946.958.493
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		5.093.010.777	4.853.601.086
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		44.205.487	126.754.816
7. Chi phí tài chính	22		2.234.041.785	1.624.244.524
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	25		6.758.944.892	5.049.269.491
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		2.497.428.114	2.970.190.919
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(6.353.198.527)	(4.663.349.032)
11. Thu nhập khác	31		6.986.462.290	5.073.255.804
12. Chi phí khác	32		628.339.304	399.516.021
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		6.358.122.986	4.673.739.783
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		4.924.459	10.390.751
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		4.924.459	10.390.751

Người lập biểu

Kế toán trưởng


Lê Quang Trung
 Chủ tịch Hội đồng quản trị

Ngày 31 tháng 03 năm 2020

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mẫu số B 03-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2019	Năm 2018
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	4.924.459	10.390.751
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	5.115.140.651	3.166.215.036
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(44.205.487)	(126.754.816)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	5.075.859.623	3.049.850.971
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	1.863.415.857	69.316.889.037
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	670.350.629	(1.147.816.578)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(5.696.702.338)	(87.529.046.021)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	514.944.775	(95.071.371)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	-	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(35.200.000)	(1.804.174.400)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	2.392.668.546	(18.209.368.362)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(6.612.525.665)	(70.444.566.380)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	6.106.302.325	6.106.302.325
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	39.889.432.979
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	44.205.487	126.754.816
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(462.017.853)	(24.322.076.260)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
2. Tiền thu từ đi vay	33	56.485.474.298	79.472.695.963
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	(57.615.885.746)	(32.943.095.154)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(1.705.782.169)	(3.608.243.509)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(2.836.193.617)	42.921.357.300
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50	(905.542.924)	389.912.678
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	2.475.083.532	2.085.170.854
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	1.569.540.608	2.475.083.532

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Lê Quang Trung

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Ngày 31 tháng 03 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một phần hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Khoáng sản Nghệ An được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu số 2900324579 ngày 25/04/2005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Nghệ An cấp, và Giấy chứng nhận thay đổi lần thứ 13 ngày 28/02/2020.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 13, vốn điều lệ của Công ty là 42.816.000.000 đồng.

Lĩnh vực kinh doanh chính: Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH**Cơ sở báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Tại thời điểm 31/12/2019 tổng nợ phải trả ngắn hạn lớn hơn tổng tài sản ngắn hạn là 131.357.746.696 VND (tại 01/01/2019 là 124.911.899.536 VND), đồng thời số lỗ lũy kế là 23.726.613.339 VND (chiếm 55,4% vốn điều lệ của Công ty), điều này cho thấy việc mất cân đối về thanh toán nợ ngắn hạn, ảnh hưởng đến khả năng tiếp tục hoạt động của Công ty trong tương lai. Ban Giám đốc cũng khẳng định, trong những năm tới Công ty tập trung sản xuất kinh doanh và lợi nhuận hàng năm sẽ đủ bù đắp khoản lỗ lũy kế và tiếp tục duy trì hoạt động kinh doanh bình thường.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính**Ghi nhận ban đầu**

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

	2019
	Số năm
Nhà xưởng và vật kiến trúc	20
Máy móc và thiết bị	6 - 10
Phương tiện vận tải	6 - 10

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán.

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, đã xuất dùng được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MÃ SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Tiền mặt	1.502.791.973	2.267.373.406
Tiền gửi ngân hàng	66.748.635	207.710.126
Cộng	1.569.540.608	2.475.083.532

5. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo	400.000.000	400.000.000	400.000.000	400.000.000
Các khoản đầu tư khác nắm giữ đến ngày đáo hạn	400.000.000	400.000.000	400.000.000	400.000.000

6. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
a) Phải thu của khách hàng ngắn hạn	89.949.660.996	94.188.851.426
Công ty cổ phần công nghệ 3T & Net	572.000.000	572.000.000
Công ty cổ phần thiết bị phụ tùng Cao Thăng	4.981.581.207	4.981.581.207
Công ty CP vận tải và TM Châu Quang	1.304.495.470	1.104.490.610
Công ty TNHH Kim Đại Phát	22.433.000	22.433.000
Công ty CP Mê Kông Hậu Giang	1.869.000.000	1.869.000.000
DNTN Tân Hải Nam	1.194.185.614	1.194.185.614
Công ty cổ phần hóa chất công nghiệp Tân Long	58.742.542.075	58.742.542.075
Công ty TNHH đầu tư công nghệ Tmt	9.762.953.150	9.762.953.150
Các khoản phải thu khác	11.500.470.480	15.939.665.770

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
a) Trả trước cho người bán ngắn hạn	9.071.936.579	8.331.267.003
Công ty CP xây dựng Hoàng Thái	-	350.000.000
Công ty TNHH xây dựng thương mại An Thịnh	347.256.600	-
Công ty Cp khai thác & XNK khoáng sản Thiên Long	6.886.786.852	6.066.540.204
Các khoản trả trước khác	1.837.893.127	1.914.726.799

8. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	2.260.695.077	-	2.607.243.922	-
Thành phẩm	3.401.470.374	-	3.725.272.158	-
Hàng hóa	3.251.321.225	-	3.251.321.225	-
Cộng	8.913.486.676	-	9.583.837.305	-

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN NGHỆ AN

Khu C, KCN Nam Cẩm, Xã Nghi Xá, Huyện Nghi Lộc, Tỉnh Nghệ An

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	TSCĐ khác	Tổng
	VND	VND	VND		VND
Nguyên giá TSCĐ hữu hình					
- Số dư đầu năm	20.158.012.927	85.374.707.135	16.588.554.120	733.696.985	122.854.971.167
- Số tăng trong năm	-	-	-	-	-
- Số giảm trong năm			736.363.636	140.131.818	876.495.454
- Số dư cuối năm	20.158.012.927	85.374.707.135	15.852.190.484	593.565.167	121.978.475.713
Giá trị đã hao mòn lũy kế					
- Số dư đầu năm	4.178.341.349	28.671.098.807	13.396.347.046	421.656.008	46.667.443.210
- Số tăng trong năm	1.260.497.034	2.874.467.394	1.014.435.995	41.190.710	5.190.591.133
- Số giảm trong năm		-	151.332.693	140.131.818	291.464.511
- Số dư cuối năm	5.438.838.383	31.545.566.201	14.259.450.348	322.714.900	51.566.569.832
Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình					
- Tại ngày đầu năm	15.979.671.578	56.703.608.328	3.192.207.074	312.040.977	76.187.527.957
- Tại ngày cuối năm	14.719.174.544	53.829.140.934	1.592.740.136	270.850.267	70.411.905.881

10. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
a) Phải trả người bán ngắn hạn	50.841.844.037	51.312.987.620
CN công ty CP hóa chất CN Tân Long tại Đồng Tháp	4.500.000.000	4.500.000.000
Công ty CP XNK Cao Thăng	6.091.447.154	6.091.447.154
Công ty CP Nhật Việt	1.014.521.070	558.101.070
Công ty CP hoá chất công nghiệp Tân Long	14.589.985.800	14.589.985.800
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Thái Sơn	20.326.789.230	20.326.789.230
Công ty xây dựng đồng dương	345.740.000	345.740.000
Các khoản phải thu khác	3.973.360.783	4.900.924.366

11. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
a) Người mua trả tiền trước ngắn hạn	55.614.023.842	55.150.070.247
Công ty Cp khai thác và XNK khoáng sản thiên long	529.368.000	-
Công ty CP Cbot Việt Nam	173.418.660	173.418.660
Gnm Enterprises	120.726.446	120.726.446
Công ty Cổ phần HUM	54.104.859.200	54.104.859.200
Công ty CP Khoáng Sản Đông Á	-	187.411.500
Các khoản người mua trả trước khác	685.651.536	563.654.441

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN

12. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	31/12/2019		Trong kỳ		01/01/2019	
	Giá trị		Giảm		Tăng	
	VND	Số có khả năng trả nợ	VND	VND	VND	Số có khả năng trả nợ
a) Vay ngắn hạn						
Công ty Cp khai thác & XNK khoáng sản Thiên Long	134.101.225.521	134.101.225.521	50.499.031.057	132.403.782.280	132.403.782.280	132.403.782.280
	146.031.600	146.031.600	-	-	146.031.600	-
Đầu Thị Hạnh	13.206.963.000	13.206.963.000	-	-	-	13.206.963.000
Công ty CP muối Nghệ An	22.050.000.000	22.050.000.000	-	-	-	22.050.000.000
Vay USD Ngân hàng ngoại thương - CN Bắc Hà Tỉnh	-	-	3.885.897.630	3.885.897.630	-	3.885.897.630
Công ty cổ phần hóa chất công nghiệp Tân Long	80.272.501.260	80.272.501.260	-	7.000.000.000	73.272.501.260	73.272.501.260
Vay VND ngân hàng VCB bắc Hà Tỉnh	18.425.729.661	18.425.729.661	41.649.801.812	15.025.088.775	15.025.088.775	15.025.088.775
Vay VND ngân hàng VCB bắc Hà tỉnh_SM	-	-	4.963.331.615	4.963.331.615	-	4.963.331.615
b) Vay dài hạn						
Vay VND ngân hàng VCB bắc Hà tỉnh	9.160.750.000	9.160.750.000	7.116.854.689	11.988.604.689	4.289.000.000	11.988.604.689
	198.000.000	198.000.000	774.000.000	-	-	972.000.000
Đầu Văn Chính	6.548.000.000	6.548.000.000	800.000.000	3.059.000.000	4.289.000.000	3.059.000.000
Vay VND ngân hàng VCB bắc Hà tỉnh_SM	2.414.750.000	2.414.750.000	5.542.854.689	7.957.604.689	-	7.957.604.689

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN NGHỆ AN

Khu C, KCN Nam Cẩm, Xã Nghi Xá, Huyện Nghi Lộc, Tỉnh Nghệ An

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**Mẫu số B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/NỘP NHÀ NƯỚC**

	01/01/2019	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	31/12/2019
	VND	VND	VND	VND
a) Phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	-	14.006.154	14.006.154	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	740.541.378	740.541.378	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-	-
Thuế thu nhập cá nhân	-	9.076.649	6.608.026	2.468.623
Thuế tài nguyên	280.419.826	3.493.644.030	3.175.476.799	598.587.057
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	431.705.483	431.705.483	-
Thuế bảo vệ môi trường và các loại thuế khác	-	6.000.000	6.000.000	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	39.438.702	2.742.525.051	2.650.269.909	131.693.844
Cộng	319.858.528	7.437.498.745	7.024.607.749	732.749.524
b) Phải thu				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	12.067.449	-	-	12.067.449
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	2.707.500	431.705.483	434.412.983	-
Cộng	14.774.949	431.705.483	434.412.983	12.067.449

14. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	LNST thuế chưa phân phối	Các khoản mục khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Số dư tại ngày 01/01/2019	42.816.000.000	(22.020.831.170)	8.513.866.366	29.309.035.196
Tăng vốn trong năm	-	-	-	-
Lãi / (lỗ) trong kỳ năm	-	4.924.459	-	4.924.459
Tăng khác	-	-	-	-
Giảm vốn trong năm	-	-	-	-
Giảm khác	-	1.705.782.169	-	1.705.782.169
Số dư tại ngày 31/12/2019	42.816.000.000	(23.721.688.880)	8.513.866.366	27.608.177.486

15. DOANH THU

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	47.837.298.084	118.800.559.579
Cộng	47.837.298.084	118.800.559.579

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN NGHỆ AN

Khu C, KCN Nam Cẩm, Xã Nghi Xá, Huyện Nghi Lộc, Tỉnh Nghệ An

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***16. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Giá vốn hàng bán	42.647.311.859	113.946.958.493
Cộng	<u>42.647.311.859</u>	<u>113.946.958.493</u>

17. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Ban Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau niên độ kế toán, ảnh hưởng đến báo cáo tài chính của Công ty.

18. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Thăng Long - T.D.K - Chi nhánh Miền Bắc

Người lập biểu

Kế toán trưởng

**Lê Quang Trung**
Chủ tịch Hội đồng quản trị

Ngày 31 tháng 03 năm 2020

